

Số: 190 /QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THANH TRỊ

Địa chỉ: Ấp Trương Hiền, xã Thanh Trị, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Giấy phép hoạt động số: **0425/ST-GPHD**.

Cấp ngày: 08 tháng 3 năm 2021; Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

Họ và tên người phụ trách chuyên môn: **TRẦN QUANG QUÍ**.

Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt gồm 205 người và 22 nhân viên khác theo danh sách đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành, và thay thế Quyết định số 39/QĐ-SYT ngày 04/01/2024 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Chánh Thanh tra Sở Y tế, các cơ quan liên quan; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người hành nghề nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### GIÁM ĐỐC

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BHXX tỉnh;
- Các cơ sở KBCB trong tỉnh;
- Đăng Cổng TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VP; NVY

**Võ Quốc Trứ**

## DANH SÁCH NGƯỜI HÀNH NGHỀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 190 /QĐ-SYT, ngày 11 / 02 /2025 của Giám đốc Sở Y tế)

### 1. Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                 | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn            | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|
| 1   | Phan Thị Cẩm      | 000758/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Sản | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | TK Ngoại - Sản - Bác sĩ KBCB |         |
| 2   | Danh Rec Sa       | 03786/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                  |         |
| 3   | Nguyễn Hoàng Thơi | 001269/ST-CCHN         | Kỹ thuật viên xét nghiệm                     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Kỹ thuật viên xét nghiệm     |         |
| 4   | Phan Đồng Khởi    | 001264/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sĩ xét nghiệm              |         |
| 5   | Ngô Bạc Lý        | 001307/ST-CCHN         | Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Cử nhân chẩn đoán hình ảnh   |         |
| 6   | Hồ Minh Dương     | 0002789/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-                                                     | TP KHNV-QLCL Bác sĩ KBCB     |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                                                                                        | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn        | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
|     |                     |                        |                                                                                                                                                                                                                                     | 1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700                                                                                            |                          |         |
| 7   | Trần Thị Diễm       | 001274/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật chuyên môn Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 8   | Lâm Thanh Mai       | 001303/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT  |         |
| 9   | Nguyễn Dương Khang  | 0003367/ST-CCHN        | Y sỹ; chuyên khoa: Đa khoa - Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                   | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT  |         |
| 10  | Võ Thị Mộng Thúy    | 0003366/ST-CCHN        | Y sỹ; chuyên khoa: Đa khoa - Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                                                                                   | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT  |         |
| 11  | Trần Quang Quý      | 00753/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB               |         |
| 12  | Trần Thị Mộng Duyên | 003503/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB               |         |

| STT | Họ và tên          | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                                                                                        | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn                                  | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 13  | Nguyễn Văn Nhẫn    | 003394/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | PTK HSCC<br>Bác sĩ KBCB                            |         |
| 14  | Lê Thị Phiến       | 000756/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Nhi - Da liễu                                                                                                                                                                                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sĩ chăm sóc bệnh                                 |         |
| 15  | Nguyễn Thông Sáng  | 00765/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Tai mũi họng                                                                                                                                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | TK Khám -<br>Bác sĩ KBCB                           |         |
| 16  | Phạm Vũ Phong      | 001281/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng<br>chăm sóc<br>bệnh                     |         |
| 17  | Trần Kiều Ngân     | 001267/ST-CCHN         | Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm                                                                                                                                                                                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng<br>chăm sóc<br>bệnh                     |         |
| 18  | Nguyễn Thúy Phượng | 001283/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng; Thực hiện kỹ thuật chuyên môn Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | ĐDTK<br>YHCT-<br>PHCN- ĐD<br>chăm sóc<br>bệnh YHCT |         |
| 19  | Lâm Thị Bé Hai     | 01286/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-                                                     | PTK Nội-<br>Nhi-Nhiễm<br>Bác sĩ KBCB               |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                           | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn                       | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                   |                        |                                                                                                        | 1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700                                                                                            |                                         |         |
| 20  | Trịnh Quế Anh     | 001302/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | TK YHCT-<br>PHCN Bác sĩ<br>KBCB<br>YHCT |         |
| 21  | Lê Hải Đăng       | 006088/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                             |         |
| 22  | Son Thị Sà Phương | 03799/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                             |         |
| 23  | Lâm Hồng Sương    | 0003368/ST-CCHN        | Y sĩ; chuyên khoa: Y học cổ truyền; Thực hiện kỹ thuật chuyên môn Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sỹ chăm<br>sóc bệnh<br>YHCT           |         |
| 24  | Trần Quốc Tiến    | 04487/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                             |         |
| 25  | Lâm Xuân Kiều     | 04371/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                             |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                         | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn               | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 26  | Dương Thanh Điền    | 0002752/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | TK Nội-Nhi-Nhiễm<br>Bác sĩ KBCB |         |
| 27  | Trần Thị Diễm Chi   | 006273/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh Điều dưỡng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của BYT-BNV | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng<br>chăm sóc<br>bệnh  |         |
| 28  | Phan Thị Diễm       | 003440/ST-CCHN         | Y sĩ; chuyên khoa: Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sĩ chăm<br>sóc bệnh<br>YHCT   |         |
| 29  | Neáng Kim Linh      | 04676/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng<br>chăm sóc<br>bệnh  |         |
| 30  | Trương Nguyệt Nga   | 0003313/ST-CCHN        | Kỹ thuật viên xét nghiệm                                                                                                                             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Kỹ thuật viên<br>xét nghiệm     |         |
| 31  | Trần Minh Lân       | 0003314/ST-CCHN        | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Cử nhân xét<br>nghiệm           |         |
| 32  | Trần Thị Ngọc Tuyết | 01311/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa gây mê hồi sức                                                                                             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | PTK KSNK<br>Bác sĩ KBCB         |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                               | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn        | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| 33  | Nguyễn Trọng Hữu  | 04315/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 34  | Lâm Thị Ánh Tuyết | 05175/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB               |         |
| 35  | Danh Thị Yến Nhi  | 05178/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 36  | Chung Thị Quyên   | 0002889/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 37  | Nguyễn Thị Chỉ    | 04434/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 38  | Nguyễn Văn Tuyền  | 04583/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Bác sĩ KCB               |         |
| 39  | Trang Chí Đạt     | 04569/ST-CCHN          | Y sĩ; chuyên khoa: Đa khoa;KTV Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT  |         |

| STT | Họ và tên          | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                       | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn  | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|
| 40  | Lâm Hồng Cẩm       | 004284/ST-CCHN         | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Cử nhân xét nghiệm |         |
| 41  | Lý Hoàng Diệu      | 05315/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Bác sĩ KCB         |         |
| 42  | Ngô Thị Nhật Uyên  | 005439/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB         |         |
| 43  | Dương Thị Mỹ Thanh | 005442/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB         |         |
| 44  | Tạ Tường Vi        | 002662/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB         |         |
| 45  | Lý Thị Trúc Anh    | 005452/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB         |         |
| 46  | Lâm Ngọc Huyền     | 005462/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                                             | Bác sĩ KCB         |         |

| STT | Họ và tên          | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                               | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn          | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
|     |                    |                        |                                                                                                                                                                            | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700                                                                    |                            |         |
| 47  | Thạch Tài          | 000715/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | PGĐ- Bác sĩ KBCB           |         |
| 48  | Son Thị Ngọc Huyền | 04821/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn hộ sinh theo quy định tại tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh   |         |
| 49  | Son Thị Mỹ Nhiên   | 005637/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                |         |
| 50  | Từ Thanh Thi       | 005675/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KBCB                |         |
| 51  | Trần Văn Trọng     | 005633/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh   |         |
| 52  | Lâm Sà Riêng       | 001308/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | PTK XN&CDHA<br>Bác sĩ KBCB |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn        | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| 53  | Lê Hoàng Sáu      | 002554/ST-CCHN         | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Cử nhân xét nghiệm       |         |
| 54  | Huỳnh Đình        | 005850/ST-CCHN         | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT-BNV              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB                |         |
| 55  | Phạm Anh Thu      | 04884/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                                                                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT  |         |
| 56  | Ngô Thị Ngọc      | 0002653/BL-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 57  | Phan Thị Như Thảo | 001312/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 58  | Hứa Kim Trang     | 001273/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | TP ĐD - ĐD chăm sóc bệnh |         |
| 59  | Trần Thị Ngọc Ái  | 001294/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | P ĐD - ĐD chăm sóc bệnh  |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn                   | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 60  | Phùng Thanh Thúy    | 001821/CM-CCHN         | Theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh            |         |
| 61  | Võ Thị Diễm         | 0003302/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | ĐD TK Khám Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 62  | Lê Thị Mộng Kiều    | 001296/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh            |         |
| 63  | Đặng Minh Vương     | 006317/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB                          |         |
| 64  | Huỳnh Thị Mỹ Nhiên  | 001304/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh            |         |
| 65  | Nguyễn Thanh Hải    | 001301/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | ĐD TK HSCC - ĐD chăm sóc bệnh       |         |
| 66  | Triệu Thị Ngọc Hạnh | 001290/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh            |         |

| STT | Họ và tên             | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                      | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| 67  | Mai Hữu Nghĩa         | 0003303/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh               |         |
| 68  | Lê Long Phú           | 04407/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh               |         |
| 69  | Nguyễn Hồ Diễn        | 0003301/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh               |         |
| 70  | Huỳnh Thị Phương Thủy | 001298/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh               |         |
| 71  | Huỳnh Ngọc Hiền       | 001295/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | ĐD TK Nội-Nhi-Nhiễm - ĐD chăm sóc bệnh |         |
| 72  | Trần Liên             | 000963/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh               |         |
| 73  | Dương Thị Thơ         | 0003304/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh               |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                       | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
| 74  | Huỳnh Kim Kha       | 001291/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh                |         |
| 75  | Huỳnh Thị Nén       | 001300/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh                |         |
| 76  | Nguyễn Hoàng Kiệt   | 001309/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh                |         |
| 77  | Trần Thị Diễm Trang | 001289/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh                |         |
| 78  | Giang Mỹ Loáng      | 04031/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền; Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT                 |         |
| 79  | Đặng Thị Thoa       | 0003095/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | ĐD TK Ngoại - Sản Hộ sinh chăm sóc bệnh |         |
| 80  | Nguyễn Thị Thum     | 0002654/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh                   |         |

| STT | Họ và tên             | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                               | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn        | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| 81  | Nguyễn Vũ Anh         | 001259/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 82  | Trần Thị Kim Anh      | 001266/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 83  | Phạm Thị Thủy         | 001258/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 84  | Trần Thị Thanh Nga    | 001265/ST-CCHN         | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh    |         |
| 85  | Hồ Thị Thúy Oanh      | 001287/ST-CCHN         | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh    |         |
| 86  | Nguyễn Hồng Hoa       | 001284/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn hộ sinh theo quy định tại tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh    |         |
| 87  | Nguyễn Thị Huyền Thái | 001310/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn hộ sinh theo quy định tại tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh    |         |

| STT | Họ và tên          | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                          | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn      | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| 88  | Quách Văn Thén     | 1739/CCHN-D-SYT-ST     | Bán lẻ thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc Trạm Y tế xã                                                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | TK Dược-TTB            |         |
| 89  | Hứa Bé Thảo        | 883/CCHN-D-SYT-ST      | Bán lẻ thuốc ; Dược lâm sàng; nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm Y tế                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 90  | Ngô Trí Anh        | 1128/CCHN-D-SYT-ST     | Bán lẻ thuốc, nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm Y tế                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 91  | Bành Quốc Sĩ       | 24/ST-CCHND            | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 92  | Nguyễn Thị Hải Yến | 278/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 93  | Ngô Mỹ Chi         | 135/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 94  | Nguyễn Hồng Gọn    | 575/CC-HND             | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn      | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| 95  | Lê Thị Hồ Phương    | 311/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 96  | Ngô Sơn             | 277/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 97  | Nguyễn Hồng Phúc    | 307/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 98  | Phạm Nhật Linh      | 165/CCHN-D-SYT-ST      | Bán lẻ thuốc; người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của quầy thuốc                                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 99  | Hồ Thị Cẩm Ngà      | 546/CCHN-D-SYT-ST      | nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm Y tế                                                                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc |         |
| 100 | Lê Thị Minh Phương  | 434/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Kiểm soát nhiễm khuẩn  |         |
| 101 | Lâm Thị Nguyệt Minh | 001262/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Kiểm soát nhiễm khuẩn  |         |

| STT | Họ và tên          | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn        | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| 102 | Thạch Thị Thu Thủy | 005967/ST-CCHN         | Chuyên khoa xét nghiệm                                                                                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Cử nhân xét nghiệm       |         |
| 103 | Nguyễn Minh Mẫn    | 05260/ST- CCHN         | Kỹ thuật viên hình ảnh y học                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | KTV chẩn đoán hình ảnh   |         |
| 104 | Trần Thị Diễm My   | 000175/ST-GPHN         | Phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 105 | Kim Thị Hường      | 006042/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT_BYT ngày 7/10/2015 của BYT-BNV                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 106 | Thị Diễm           | 000154/ST-GPHN         | Phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh |         |
| 107 | Từ Văn Thoàng      | 002683/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB               |         |
| 108 | Triệu Phương Thoại | 005392/ST-CCHN         | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh Răng hàm mặt thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT-BNV | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sĩ chăm sóc bệnh       |         |

| STT | Họ và tên             | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn          | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------|
| 109 | Tô Thị Thuận Tâm      | 006163/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh Điều dưỡng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT - BYT- BNV ngày 07/10/2015 của BYT- BNV        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh   |         |
| 110 | Lê Thị Hạnh           | 006108/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chức danh điều dưỡng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh   |         |
| 111 | Huỳnh Kim Quyên       | 000967/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chức danh hộ sinh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Hộ sinh chăm sóc bệnh      |         |
| 112 | Thạch Thị Thanh Tuyền | 006089/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB                 |         |
| 113 | Thạch Thị Diệu Trang  | 006090/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB                 |         |
| 114 | Son Hoàng Phúc        | 00545/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | PGĐ- Bác sĩ KCB            |         |
| 115 | Trần Quốc Trung       | 627/ST-CCHND           | Nhà thuốc; quầy thuốc; Đại lý bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu                                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                                             | Dược sĩ Trưởng phòng TC-HC |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                                             | Vị trí chuyên môn                 | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|     |                   |                        |                                                                                                                                                                 | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                                            |                                   |         |
| 116 | Trương Khánh Băng | 000012/ST-GPHN         | Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Y sỹ chăm sóc bệnh YHCT           |         |
| 117 | Trần Ngọc Kiểm    | 001299/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh          |         |
| 118 | Triệu Kim Thấn    | 000751/ST-CCHN         | Khám chữa bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Răng hàm mặt                                                                                                     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Bác sĩ KCB                        |         |
| 119 | Võ Thị Bé Hiền    | 000113/ST-GPHN         | Phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục số XII ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng chăm sóc bệnh          |         |
| 120 | Nguyễn Thị Tú Mai | 000061/ST-GPHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700;T70700-1100;T71300-1700 | Bác sĩ KCB                        |         |
| 121 | Huỳnh Văn Lê      | 0002968/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                         | Điều dưỡng Phó Khoa KSBT-HIV/AIDS |         |
| 122 | Hồng Tha          | 04876/ST-CCHN          | Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                                             | BS KSBT-HIV/AIDS                  |         |

| STT | Họ và tên      | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn         | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|
|     |                |                        |                                                                                                                                                                 | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                           |         |
| 123 | Trần Trung Huy | 04276/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT-BNV                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>KSBT-<br>HIV/AIDS   |         |
| 124 | Mã Sóc Khol    | 0002646/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>KSBT-<br>HIV/AIDS   |         |
| 125 | Lâm Minh Trí   | 0002572/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>KSBT-<br>HIV/AIDS   |         |
| 126 | Quách Kim Hiền | 211/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán lẻ thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu                                                | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | DSTH<br>KSBT-<br>HIV/AIDS |         |
| 127 | Dương Thị Nga  | 0002618/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>YTCC-DD-<br>ATVSTP  |         |
| 128 | Bùi Thị Cẩm    | 0002577/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>YTCC-DD-<br>ATVSTP  |         |
| 129 | Quách Tại      | 04275/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT-BNV              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | YS<br>YTCC-DD-<br>ATVSTP  |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                                                                                             | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                     | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------|
|     |                   |                        |                                                                                                                                                                                                                                          | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                       |         |
| 130 | Phạm Hoàng Ngợi   | 0003307/ST-CCHN        | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT-BNV, Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sỹ, bác sỹ y học dự phòng, y sỹ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS Phó trưởng Khoa YTCC-DD-ATVSTP     |         |
| 131 | Đoàn Quốc Khởi    | 0002931/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS YTCC-DD-ATVSTP                     |         |
| 132 | Trương Thị Nguyệt | 0002608/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | CNĐD Trưởng Khoa YTCC-DD-ATVSTP       |         |
| 133 | Nguyễn Chí Nguyễn | 1012/CCHN-D-SYT-BL     | Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc Trạm Y tế                                                                                                                                                                                             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc TYT TT Phú Lộc |         |
| 134 | Quách Trung Hiếu  | 0002999/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                                                                             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sỹ KBCB TYT TT Phú Lộc              |         |
| 135 | Nguyễn Thị Tuyền  | 31/ST-CCHND            | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc TYT TT Phú Lộc |         |
| 136 | Nguyễn Thị Huỳnh  | 002578/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh Hộ sinh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-                                                                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Cử nhân hộ sinh chăm sóc bệnh         |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                               | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                       | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                     |                        | BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ                                                                                                                                 | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    | TYT TT Phú Lộc                          |         |
| 137 | Nguyễn Mãi Mãi      | 0003300/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh TYT TT Phú Lộc |         |
| 138 | Thạch Xô Li Đa      | 000042/ST-GPHN         | Phạm vi hành nghề khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Phụ lục số V và Phụ Lục số IX phần nội khoa ban hành kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT                                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | BS KBCB TYT TT Phú Lộc                  |         |
| 139 | Trương Văn Đoàn     | 0002598/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                                                                                                                                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT TT Phú Lộc                |         |
| 140 | Trần Thanh Phong    | 001275/ST-CCHN         | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh TYT TT Phú Lộc |         |
| 141 | Trần Thanh Nhân     | 03877/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | PT TYT Bác sĩ KBCB TYT xã Lâm Kiết      |         |
| 142 | Nguyễn Anh Trung    | 03752/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Lâm Kiết               |         |
| 143 | Nguyễn Thị Ngọc Hân | 000739/ST-CCHN         | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700                                                 | Hộ sinh chăm sóc bệnh TYT xã Lâm Kiết   |         |

| STT | Họ và tên      | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                               | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                         | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|     |                |                        |                                                                                                                                                                            | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                           |         |
| 144 | Son Minh Thảo  | 1276/CCHN-D-SYT-ST     | Quầy thuốc                                                                                                                                                                 | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc TYT xã Lâm Kiết    |         |
| 145 | Hứa Hồng Nhan  | 0003359/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh điều dưỡng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh TYT xã Lâm Kiết  |         |
| 146 | Triệu Thị Trúc | 04157/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT-BNV                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KCB TYT xã Lâm Kiết                  |         |
| 147 | Phan Thu Ngân  | 0002676/ST-CCHN        | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh hộ sinh theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh TYT xã Lâm Kiết     |         |
| 148 | Nguyễn Thu Xa  | 0002579/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh TYT xã Thạnh Trị    |         |
| 149 | Hà Văn Trường  | 1013/CCHN-D-SYT-BL     | Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc Trạm Y tế,                                                                                                                              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc TYT xã Thạnh Trị   |         |
| 150 | Tô Thảo My     | 03722/ST-CCHN          | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức danh theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07                                                      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Điều dưỡng chăm sóc bệnh TYT xã Thạnh Trị |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                        | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                       | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                     |                        | tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ                                                                                                           | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                         |         |
| 151 | Lý Dành             | 0002582/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | TT TYT Y sĩ KBCB TYT xã Thạnh Trị       |         |
| 152 | Nguyễn Thùy Trang   | 04944/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                                                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Thạnh Trị              |         |
| 153 | Mã Trường Giang     | 04568/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BHYT-BNV | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Thạnh Trị              |         |
| 154 | Phạm Thị Tuyết Loan | 0002891/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Thạnh Trị              |         |
| 155 | Võ Thị Bích Thùy    | 003630/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Trưởng TYT Bác sĩ KBCB TYT xã Châu Hưng |         |
| 156 | Võ Ngọc Linh        | 0002634/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao                                                                                                                | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Châu Hưng              |         |
| 157 | Tăng Tươi           | 0002681/ST-CCHN        | Y sĩ; chuyên khoa: Đa khoa- Y học cổ truyền                                                                                                         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | PT TYT - Y sĩ KBCB TYT xã Châu Hưng     |         |

| STT | Họ và tên          | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                               | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                                  | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
|     |                    |                        |                                                                                                                                                            | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                                    |         |
| 158 | HUỲNH THỊ KIM VÀNG | 04809/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                                                                                                                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Châu Hưng                      |         |
| 159 | Nguyễn Ngọc Lợi    | 001011/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Châu Hưng |         |
| 160 | Lâm Thị Phiến      | 0002604/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Châu Hưng    |         |
| 161 | Phạm Mỹ Tú         | 0002682/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Châu Hưng    |         |
| 162 | Lâm Sĩ Thịnh       | 345/CCHN-D-SYT-ST      | Bán lẻ thuốc,Quầy thuốc; tủ thuốc Trạm Y tế                                                                                                                | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp<br>phát thuốc<br>TYT xã Châu Hưng      |         |
| 163 | Son Sa Rây         | 0002540/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Trưởng TYT<br>Y sĩ KBCB<br>TYT xã Tuấn<br>Tức      |         |
| 164 | Trần Thị Phượng    | 0003039/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản-Nhi                                                                                                                   | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Tuấn<br>Tức                    |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                        | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                               | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
|     |                   |                        |                                                                                                                                                     | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                                 |         |
| 165 | Tô Hòa Hưởng      | 0002568/ST-CCHN        | Y sĩ; chuyên khoa: Y học cổ truyền; Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Tuấn<br>Tức                 |         |
| 166 | Bùi Thị Huỳnh Nhi | 03688/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BHYT-BNV | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Tuấn<br>Tức                 |         |
| 167 | Son Thị Thúy Ngân | 96/CCHN-D-SYT-ST       | Bán lẻ thuốc, người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc                                                                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp<br>phát thuốc<br>TYT xã Tuấn<br>Tức |         |
| 168 | Nguyễn Duy Tân    | 04838/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BHYT-BNV | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Tuấn<br>Tức                 |         |
| 169 | Trần Thị Diễm     | 0002663/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Tuấn Tức  |         |
| 170 | Lâm Bé Duyên      | 0002588/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | PT TYT<br>Bác sĩ<br>KBCB TYT<br>xã Tuấn Tức     |         |
| 171 | Nguyễn Thị Diễm   | 03839/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                                                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Lâm<br>Tân                  |         |

| STT | Họ và tên         | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                             | Ghi chú |
|-----|-------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|     |                   |                        |                                                                                                                                                                 | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                               |         |
| 172 | Nguyễn Thị Tuyền  | 0002652/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | PT TYT - Hộ sinh chăm sóc bệnh TYT xã Lâm Tân |         |
| 173 | Lê Duy Phương     | 411/ST-CCHND           | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc TYT xã Lâm Tân         |         |
| 174 | Nguyễn Thành Nam  | 03251/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Trưởng TYT xã Lâm Tân<br>Bác sĩ KBCB          |         |
| 175 | Lâm Cường         | 0002862/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Lâm Tân                      |         |
| 176 | Bùi Thị Bé Thương | 005395/ST-CCHN         | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT-BNV              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Lâm Tân                      |         |
| 177 | Mạch Xuân Loan    | 0002718/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Lâm Tân                      |         |
| 178 | Lâm Út            | 0002893/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu                                                     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Y sĩ KBCB xã Lâm Tân                          |         |

| STT | Họ và tên           | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                          | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------|
|     |                     |                        | chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng                                                                                                             | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                            |         |
| 179 | Dương Thanh Hậu     | 0002583/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Chuyên khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng                                                                     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Trưởng TYT Y sĩ KBCB xã Vĩnh Thành         |         |
| 180 | Nguyễn Băng Tuyền   | 1379/CCHN-D-SYT-ST     | Quầy thuốc, đại lý thuốc, tủ thuốc Trạm Y tế                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp phát thuốc TYT xã Vĩnh Thành   |         |
| 181 | Lâm Thị Bích Phượng | 0002624/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh chăm sóc bệnh TYT xã Vĩnh Thành    |         |
| 182 | Hồ Thị Cẩm Loan     | 0002623/ST_CNHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng chăm sóc bệnh TYT xã Vĩnh Thành |         |
| 183 | Nguyễn Thị Như Ngọc | 03754/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT-BNV              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB TYT xã Vĩnh Thành                |         |
| 184 | Mai Thị Hồng Phước  | 002615/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Bác sĩ KBCB TYT xã Vĩnh Thành              |         |
| 185 | Trần Thị Ngọc Bích  | 03525/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Bác sĩ KBCB Trưởng TYT xã Vĩnh Lợi         |         |

| STT | Họ và tên            | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                       | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                               | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
|     |                      |                        |                                                                                                                                                    | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                                 |         |
| 186 | Lê Thị Kiều          | 02693/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Vĩnh Lợi                    |         |
| 187 | Phan Thị Như Nguyễn  | 0002694/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                               | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Vĩnh Lợi  |         |
| 188 | Lâm Văn Bảo          | 27/ST-CCHND            | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp<br>phát thuốc<br>TYT xã Vĩnh<br>Lợi |         |
| 189 | Hồ Ngọc Lệ           | 0002660/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Vĩnh<br>Lợi                 |         |
| 190 | Nguyễn Thị Thuỷ Tiên | 05138/ST-CCHN          | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT-BNV | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã Vĩnh<br>Lợi                 |         |
| 191 | Sơn Thành Trung      | 0002692/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền                                                                                                          | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã<br>Thạnh Tân                |         |
| 192 | Thạch Thị Diệu       | 005441/ST-CCHN         | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Bác sĩ KBCB<br>TYT xã<br>Thạnh Tân              |         |

| STT | Họ và tên            | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                                     | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
|     |                      |                        |                                                                                                                                                                 | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                                       |         |
| 193 | Trần Tiểu Bình       | 04862/ST - CCHN        | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BHYT-BNV             | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT xã<br>Thanh Tân                      |         |
| 194 | Lâm Hoàng Bưởi       | 30/ST-CCHND            | Quầy thuốc, Đại lý bán thuốc của danh nghiệp, Tủ thuốc Trạm Y tế, Cơ sở bán thuốc lẻ thuốc Đông Y, thuốc từ Dược liệu                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp<br>phát thuốc<br>TYT xã<br>Thanh Tân      |         |
| 195 | Thái Thị Phương Thảo | 002613/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh PT<br>TYT xã<br>Thanh Tân |         |
| 196 | Phạm Thị Mỹ Xuyên    | 0002570/ST-CCHN        | Theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của BHYT tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Thanh Tân       |         |
| 197 | Nguyễn Thị Hương     | 0002612/ST-CCHN        | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Điều dưỡng<br>chăm sóc<br>bệnh TYT xã<br>Thanh Tân    |         |
| 198 | Phạm Thị Bích Trâm   | 03607/ST-CCHN          | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | PT TYT Bác<br>sĩ KBCB<br>TYT TT<br>Hưng Lợi           |         |
| 199 | Hứa Thanh Bình       | 0002648/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-                                                     | Y sĩ KBCB<br>PT TYT TT<br>Hưng Lợi                    |         |

| STT | Họ và tên             | Số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                                                                                    | Thời gian hành nghề                                                                                                     | Vị trí chuyên môn                               | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------|
|     |                       |                        |                                                                                                                                                                 | 1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700                                                                    |                                                 |         |
| 200 | Nguyễn Huy Hoàng      | 0002595/ST-CCHN        | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                    | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT TT<br>Hung Lợi                 |         |
| 201 | Bành Văn Sắt          | 04971/ST-CCHN          | Theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT TT<br>Hung Lợi                 |         |
| 202 | Nguyễn Bảo Ny         | 005360/ST-CCHN         | Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 của BYT-BNV              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Y sĩ KBCB<br>TYT TT<br>Hung Lợi                 |         |
| 203 | Phan Thị Cẩm Hồng     | 001261/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT<br>TT Hung Lợi  |         |
| 204 | Nguyễn Thị Huyền Trân | 002651/ST-CCHN         | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn chức theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội Vụ      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Hộ sinh<br>chăm sóc<br>bệnh TYT<br>TT Hung Lợi  |         |
| 205 | Cao Thanh Huy         | 380/CCHN-D-SYT-ST      | Bán lẻ thuốc, người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của nhà thuốc                                                                                           | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp<br>phát thuốc<br>TYT TT<br>Hung Lợi |         |

2. Danh sách đăng ký người làm việc (bao gồm những người làm việc tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh)

| STT | Họ và tên         | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)                              | Vị trí làm việc        |
|-----|-------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1   | Quách Văn Phúc    | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Trưởng Phòng TC-KT     |
| 2   | Võ Thị Kiều       | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phó Trưởng Phòng TC-KT |
| 3   | Trần Thanh Thuộc  | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-KT            |
| 4   | Trương Nhật Thiên | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-KT            |
| 5   | Trần Ngọc Cẩm     | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-KT            |
| 6   | Lục Văn Hiếu      | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-KT            |
| 7   | Lâm Thị Kim Oanh  | Cử nhân kế toán     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-KT            |

| STT | Họ và tên         | Văn bằng chuyên môn     | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa<br>bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)                        | Vị trí làm<br>việc                    |
|-----|-------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 8   | Tăng Thị Thu Ngọc | Cử nhân kế toán         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-KT                           |
| 9   | Trần Hồng Thắm    | Cử nhân chính trị học   | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Trưởng<br>phòng Dân<br>số-<br>TT&GDSK |
| 10  | Phan Thị Cẩm Như  | Trung cấp quản trị mạng | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng Dân<br>số-<br>TT&GDSK           |
| 11  | Đặng Thị Diễm     | Cử nhân hộ sinh         | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng Dân<br>số-<br>TT&GDSK           |
| 12  | Tô Hoa Đức        | Dược sĩ cao đẳng        | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng Dân<br>số-<br>TT&GDSK           |
| 13  | Hứa Ngọc Diệp     | Bác sĩ                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | BS KBCB                               |
| 14  | Võ Kim Khá        | Bác sĩ                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | BS KBCB                               |

| STT | Họ và tên                | Văn bằng chuyên môn               | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa<br>bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)                        | Vị trí làm<br>việc        |
|-----|--------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 15  | Lý Thị Hồng Thúy         | Bác sĩ                            | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | BS KBCB                   |
| 16  | Huỳnh Ngọc Hào           | Cao đẳng Y sĩ                     | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS chăm<br>sóc bệnh       |
| 17  | Phạm Thư Thiên Kim       | Dược sĩ cao đẳng                  | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Dược sĩ cấp<br>phát thuốc |
| 18  | Lâm Minh Sáng            | Y sĩ                              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>YTCC-DD-<br>ATVSTP  |
| 19  | Quách Hấu                | Y sĩ                              | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | YS<br>YTCC-DD-<br>ATVSTP  |
| 20  | Đỗ Thị Diễm My           | Đại học luật                      | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng TC-<br>HC           |
| 21  | Đào Khương Vĩnh<br>Thịnh | Kỹ thuật viên công nghệ thông tin | T20700-1100;T21300-1700;T30700-1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-1100;T61300-1700 | Phòng<br>KHNV-<br>QLCL    |

| STT | Họ và tên       | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký<br>hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa<br>bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)                                    | Vị trí làm<br>việc     |
|-----|-----------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 22  | Ngô Thanh Phước | Kỹ sư tin học       | T20700-1100;T21300-1700;T30700-<br>1100;T31300-1700;T40700-1100;T41300-<br>1700;T50700-1100;T51300-1700;T60700-<br>1100;T61300-1700 | Phòng<br>KHNV-<br>QLCL |